

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN
GEMADEPT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	14 - 50
8. Phụ lục	51 -55

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (tên viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301116791 (số cũ là 059080) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 01 tháng 11 năm 1993.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	1.000.000.000.000 VND
Số cổ phiếu	100.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá	10.000 VND/cổ phiếu

Hiện tại, Công ty đang làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để tăng vốn điều lệ thành 1.094.473.090.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 08 tháng 3 năm 2002 với mã chứng khoán là GMD.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại : (84-8) 38 236 236
Fax : (84-8) 38 235 236
E-mail : info@gemadep.com.vn
Mã số thuế : 0301116791

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp vận tải tàu biển Hữu Nghị	Số 2A - 4A Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Hà Nội	Số 108 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Chi nhánh Quảng Ninh	Số 1, đường Cái Lân, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 39 Quang Trung, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Quy Nhơn	Số 98 Phạm Hùng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Cần Thơ	47/11A Lê Hồng Phong, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Campuchia	Số 193C đại lộ Mao Tse Tung, Chamcamon, Phnom Penh, Campuchia
Chi nhánh Vũng Tàu	Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại;
- Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa, kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không;
- Dịch vụ Logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác;

- Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics;
- Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác khoáng sản;
- Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát;
- Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác;
- Trồng cây cao su; sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Lợi nhuận năm nay của Công ty giảm đáng kể so với năm trước chủ yếu là do hoạt động kinh doanh vận tải trong năm gặp nhiều khó khăn, do giá nhiên liệu tăng cao. Ngoài ra thị trường chứng khoán giảm sút mạnh, khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trích lập trong năm khoảng 120 tỷ VND và chi phí lãi vay tăng cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm.

Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trong năm 2010 với tổng số vốn điều lệ tăng lên là 94.473.090.000 VND và thặng dư vốn cổ phần phát sinh là 302.313.888.000 VND.

Công ty đã thành lập hai công ty con tại Campuchia là Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương và Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương để triển khai dự án trồng cao su tại Campuchia.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 50).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính	5.664.248.049 VND
- Trích quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ	5.664.248.049 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.664.248.049 VND
- Trích quỹ Hội đồng Quản trị	3.398.548.829 VND
- Chia cổ tức	60.000.000.000 VND
Cộng:	80.391.292.976 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên
Ông Vũ Ninh	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên
Ông Tô Hải	Thành viên
Ông Phạm Tiến Tịnh	Thành viên
Ông Phan Thanh Lộc	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Quảng	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Chu Đức Khang	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

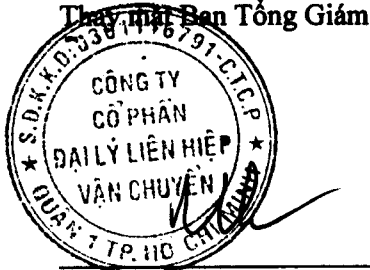
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2012





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0422/2012/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (tên viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10 tháng 3 năm 2012, từ trang 07 đến trang 50 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Gemadept tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



[Signature]

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

[Signature]

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1199/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.314.574.077.143	1.855.442.610.254
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	265.372.942.880	261.855.538.610
1.	Tiền	111		166.247.322.880	93.268.741.558
2.	Các khoản tương đương tiền	112		99.125.620.000	168.586.797.052
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		640.963.654.551	782.752.507.716
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	793.653.196.515	857.998.023.712
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(152.689.541.964)	(75.245.515.996)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.281.496.916.610	658.722.296.318
1.	Phải thu khách hàng	131	V.4	384.475.183.118	279.714.658.775
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	136.464.182.973	87.232.620.572
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	761.386.609.842	292.604.076.293
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(829.059.322)	(829.059.322)
IV.	Hàng tồn kho	140		50.843.895.486	31.494.976.403
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	50.843.895.486	31.494.976.403
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		75.896.667.616	120.617.291.208
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	18.827.902.103	7.559.556.079
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		967.321.052	171.485.354
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.27	9.960.652.399	9.851.020.124
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	46.140.792.061	103.035.229.651

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.963.921.452.035	2.911.294.385.724
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		37.000.000.000	37.000.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.11	37.000.000.000	37.000.000.000
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		705.038.470.578	716.719.399.884
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	650.141.953.343	656.854.093.556
	Nguyên giá	222		1.189.463.980.515	1.107.465.742.961
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(539.322.027.172)	(450.611.649.405)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	-	7.266.838.830
	Nguyên giá	225		-	23.890.768.666
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(16.623.929.836)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.14	14.115.485.352	14.935.179.723
	Nguyên giá	228		17.494.143.335	17.104.321.171
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.378.657.983)	(2.169.141.448)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	40.781.031.883	37.663.287.775
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.16	239.202.151.988	251.094.268.173
	Nguyên giá	241		279.448.439.795	279.448.439.795
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		(40.246.287.807)	(28.354.171.622)
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.936.068.379.102	1.858.666.120.194
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.17	942.636.944.122	936.984.944.122
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	700.718.067.779	309.669.472.143
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	410.286.571.094	686.801.844.885
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.20	(117.573.203.893)	(74.790.140.956)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		46.612.450.367	47.814.597.473
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.21	3.833.803.247	8.922.750.353
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.22	-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.23	42.778.647.120	38.891.847.120
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		5.278.495.529.178	4.766.736.995.978

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		1.416.171.821.738	1.256.398.181.305
I. Nợ ngắn hạn		310		1.146.721.968.117	750.668.286.436
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.24	512.436.104.324	320.247.600.198
2. Phải trả người bán		312	V.25	144.304.921.328	111.740.232.090
3. Người mua trả tiền trước		313	V.26	21.172.333.363	4.540.635.640
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.27	5.114.494.932	4.657.817.782
5. Phải trả người lao động		315	V.28	9.939.966.152	14.914.367.746
6. Chi phí phải trả		316	V.29	15.561.023.142	14.081.299.436
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.30	426.458.441.889	273.810.520.210
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320	V.31	3.106.407.889	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.32	8.628.275.098	6.675.813.335
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		269.449.853.621	505.729.894.869
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333	V.33	17.887.072.335	22.966.486.155
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.34	251.562.781.286	481.784.045.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	547.283.314
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336	IV.14	-	432.080.400
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		3.862.323.707.440	3.510.338.814.672
I. Vốn chủ sở hữu		410		3.862.323.707.440	3.510.338.814.672
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.35	1.094.473.090.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.35	2.471.474.474.400	2.169.160.586.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413	V.35	69.388.382.902	69.388.382.902
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.35	29.429.404.912	23.765.156.863
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419	V.35	26.315.340.005	20.651.091.956
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.35	171.243.015.221	227.373.596.551
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		5.278.495.529.178	4.766.736.995.978

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		519.867.556	519.867.556
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.065.051,24	424.929,75
Euro (EUR)		5.453,66	297,27
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

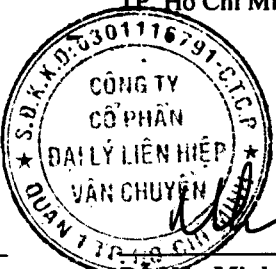
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2011

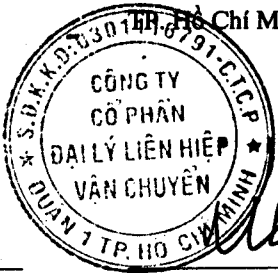
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.472.973.669.413	1.448.925.671.222
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	1.061.818.182
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.472.973.669.413	1.447.863.853.040
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.419.230.776.627	1.317.288.372.448
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.742.892.786	130.575.480.591
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	282.212.947.990	223.563.730.484
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	250.133.144.084	212.545.943.103
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		76.661.508.577	73.562.775.097
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	4.645.506.188	868.388.435
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	75.038.263.875	72.619.086.433
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.138.926.629	68.105.793.104
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	55.607.724.507	54.061.182.303
12.	Chi phí khác	32	VI.8	33.725.237.610	7.150.539.080
13.	Lợi nhuận khác	40		21.882.486.897	46.910.643.223
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.021.413.526	115.016.436.327
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.27	4.307.985.195	2.705.175.579
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(547.283.314)	(973.700.229)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.260.711.645	113.284.960.977
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.021.413.526	115.016.436.327
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12;V.13; V.14;V.16	94.874.387.120	91.929.598.196
- Các khoản dự phòng	03	V.3;V.20	120.227.088.905	84.071.951.477
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(2.210.893.310)	(1.622.626.576)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3;VI.4; VI.7;VI.8	(236.612.709.257)	(207.141.269.884)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	76.661.508.577	73.562.775.097
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		80.960.795.560	155.816.864.638
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(459.157.118.785)	(218.035.521.061)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(19.348.919.084)	(3.638.174.785)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		172.317.859.259	43.755.221.976
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.179.398.918)	(6.826.533.374)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.29;VI.4	(75.175.438.881)	(67.990.110.263)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.27	(3.388.637.604)	(13.322.558.828)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		110.179.897.812	124.265.106.682
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(98.194.008.905)	(164.622.262.475)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(297.984.969.545)	(150.597.967.489)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12;V.15	(82.207.481.322)	(38.242.199.581)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7;VII	55.111.217.080	8.710.904.268
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(178.102.801.850)	(274.786.391.123)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		236.065.520.611	19.866.626.298
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(183.383.505.000)	(867.103.214.048)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		2.132.190.132	1.913.512.142
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6;VI.3	95.778.608.859	149.886.298.515
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(54.606.251.490)	(999.754.463.529)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

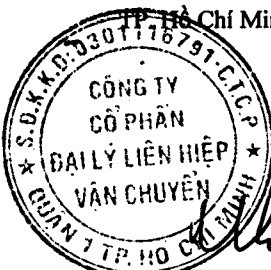
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	1.327.253.124.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.24; V.34	1.088.587.257.252	984.492.008.257
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.24	(726.863.282.873)	(984.833.255.677)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	V.24	(6.011.673.604)	(5.999.703.133)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		355.712.300.775	1.319.912.173.447
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.121.079.740	169.559.742.429
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	261.855.538.610	92.732.327.324
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		396.324.530	(436.531.143)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	265.372.942.880	261.855.538.610

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012


Trương Như Nguyên
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, vận tải, logistics và trồng cao su.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại;
 - Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa, kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không;
 - Dịch vụ Logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan;
 - Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác;
 - Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics;
 - Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác khoáng sản;
 - Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát;
 - Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác;
 - Trồng cây cao su; sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
 - Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 340 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 344 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Lợi nhuận năm nay của Công ty giảm đáng kể so với năm trước chủ yếu là do hoạt động kinh doanh vận tải trong năm gặp nhiều khó khăn, do giá nhiên liệu tăng cao. Ngoài ra thị trường chứng khoán giảm sút mạnh, khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trích lập trong năm khoảng 120 tỷ VND và chi phí lãi vay tăng cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm.

Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trong năm 2010 với tổng số vốn điều lệ tăng lên là 94.473.090.000 VND và thặng dư vốn cổ phần phát sinh là 302.313.888.000 VND.

Công ty đã thành lập hai công ty con tại Campuchia là Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương và Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương để triển khai dự án trồng cao su tại Campuchia.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

Lãi thuê tài chính

Tiền lãi thuê tài chính được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê tài chính.

Phản mềm kế toán

Chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 01% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

16. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

17. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

448-C.T.T.N.H.H
TY
HỮU HẠN
N VÀ
N
CHI MINH ★

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
31/12/2010 : 18.932 VND/USD

22. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

23. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

24. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

25. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

26. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

27. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

28. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.464.418.490	4.582.889.224
Tiền gửi ngân hàng	162.358.701.307	88.631.079.443
Tiền đang chuyển	424.203.083	54.772.891
Các khoản tương đương tiền (*)	99.125.620.000	168.586.797.052
Cộng	265.372.942.880	261.855.538.610

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng. Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hoa Việt là 82.042.000.000 VND được đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phnom Penh (xem thuyết minh V.24).

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	249.721.867.626	272.182.317.096
Công ty cổ phần Tập đoàn khoáng sản Hamico	20.012.317.380	20.012.317.380
Công ty cổ phần khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng	10.527.958.407	10.527.958.407
Công ty cổ phần khoáng sản Mangan	14.234.321.100	14.234.321.100
Công ty cổ phần phân phối khí thấp áp dầu khí Việt Nam	9.322.002.940	12.845.983.260
Công ty chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	16.000.000.000	16.000.000.000
Công ty cổ phần nhựa Rạng Đông	16.300.679.471	16.300.679.471
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	16.364.507.100	15.293.497.100
Công ty cổ phần vận tải biển Việt Nam	19.800.000.000	19.800.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	94.971.030.000	94.971.030.000
Các công ty khác	32.189.051.228	52.196.530.378
Đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link (xem thuyết minh V.18)	482.400.000.000	487.500.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	61.531.328.889	98.315.706.616
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống (*)	29.239.045.500	23.315.706.616
Cho Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà vay	28.085.083.389	75.000.000.000
Cho Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistic vay	4.207.200.000	-
Cộng	793.653.196.515	857.998.023.712

(*) Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hoa Việt là 26.500.000.000 VND được đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phnom Penh (xem thuyết minh V.24).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	75.245.515.996
Trích lập dự phòng bổ sung	77.444.025.968
Số cuối năm	152.689.541.964

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	376.062.337.992	261.710.724.295
Dịch vụ cho thuê tài sản	8.412.845.126	18.003.934.480
Cộng	384.475.183.118	279.714.658.775

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	42.465.592.210	38.000.000.000
Công ty TNHH cảng Phước Long	62.298.411.025	34.179.996.948
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sài Gòn Xanh	-	6.848.000.000
Công ty tư vấn xây dựng cảng đường thủy	-	1.250.000.000
Các nhà cung cấp khác	31.700.179.738	6.954.623.624
Cộng	136.464.182.973	87.232.620.572

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	26.327.524.193	13.825.077.091
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.300.000.000	3.500.000.000
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	316.873.457.807	236.160.669.987
- Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam – hợp tác kinh doanh theo nội dung hợp đồng	82.750.000.000	83.000.000.000
- Công ty TNHH cảng Phước Long – tiền cho mượn, chi hộ	112.195.967.663	38.509.465.984
- Gemadept (Singapore) Ltd.- tiền chi hộ	20.255.821.307	11.855.467.796
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất – tiền cho mượn	55.900.000.000	49.000.000.000
- Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp V.N.M – tiền cho mượn	18.946.000.000	18.946.000.000
- Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept – tiền cho mượn, khác	16.074.955.000	1.126.454.000
- Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ - tiền cho mượn	8.986.272.000	13.806.272.000
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền chi hộ	1.156.734.311	7.765.231.397
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	607.707.526	12.151.778.810

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức, lợi nhuận được chia	90.805.100.312	9.260.618.700
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	26.733.065.975	6.234.829.842
Các khoản phải thu khác	297.347.461.555	23.622.880.673
- Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl) – chi hộ dự án trồng cao su	244.055.334.635	-
- Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương (Pacific Lotus) – chi hộ dự án trồng cao su	32.077.494.392	-
- Grand Atlantic Shipping	-	8.192.514.219
- Phải thu công nhân viên tiền lãi vay	4.617.553.940	4.921.351.535
- Các khoản phải thu khác	16.597.078.588	10.509.014.919
Cộng	761.386.609.842	292.604.076.293
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần biển Nam Á	333.125.000	333.125.000
Công ty TNHH giao nhận vận tải quốc tế Nguyên Trần	190.500.000	190.500.000
Công ty TNHH vận tải và xây dựng H.T.N	14.091.000	14.091.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Hà Hải	84.500.000	84.500.000
Công ty dầu thực vật Bình An	33.663.006	33.663.006
Công ty vận tải Nghĩa Hưng	20.412.000	20.412.000
Vinatrans Regional Container Lines	12.655.566	12.655.566
Ông Nguyễn Đức Hùng (Chi nhánh Hà Nội)	140.112.750	140.112.750
Cộng	829.059.322	829.059.322
8. Hàng tồn kho		
Nhiên liệu tồn trên tàu.		
9. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tàu	12.853.503.270	4.246.532.992
Chi phí bảo hiểm	1.601.124.296	2.082.876.829
Công cụ, dụng cụ	2.398.453.034	-
Chi phí khác	1.974.821.503	1.230.146.258
Cộng	18.827.902.103	7.559.556.079
10. Tài sản ngắn hạn khác		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	26.137.182.904	16.205.159.446
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.003.609.157	86.830.070.205
Cộng	46.140.792.061	103.035.229.651

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải thu dài hạn khác

Các khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	37.000.000.000	37.000.000.000

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Thông tin về tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm trang 51.

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được xác định.
- Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất đã được tháo dỡ để xây dựng Cao ốc Lê Thánh Tôn tại phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Công ty đã ngưng trích khấu hao từ thời điểm tháo dỡ.

13. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài chính 80 containers của Seacastle Container Leasing, thời hạn thuê tài chính là 5 năm.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	23.890.768.666	16.623.929.836	7.266.838.830
Tăng trong năm	-	3.964.717.743	
Mua lại tài sản thuê tài chính	(23.890.768.666)	(20.588.647.579)	
Số cuối năm	-	-	-

Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 386.991.550 VND.

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.352.483.410	9.751.837.761	17.104.321.171
Mua trong năm	-	389.822.164	389.822.164
Số cuối năm	7.352.483.410	10.141.659.925	17.494.143.335
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	313.076.907	313.076.907
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	2.169.141.448	2.169.141.448
Khấu hao trong năm	-	1.209.516.535	1.209.516.535
Số cuối năm	-	3.378.657.983	3.378.657.983
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.352.483.410	7.582.696.313	14.935.179.723
Số cuối năm	7.352.483.410	6.763.001.942	14.115.485.352
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất tại số 98 Phạm Hùng, TP. Quy Nhơn có nguyên giá bằng giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.745.280.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam (thuyết minh V.24).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Thanh lý dự án đầu tư	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	9.395.025.911	126.177.188.562	(102.312.788.509)	-	33.259.425.964
XDCB dở dang	28.268.261.864	123.137.928	-	(20.869.793.873)	7.521.605.919
- Đầu tư quy hoạch khu bắc Rạch Chiếc, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	20.746.655.945	123.137.928	-	(20.869.793.873)	-
- Chi phí tư vấn, đầu tư xây dựng cao ốc Lê Lợi	2.694.479.091	-	-	-	2.694.479.091
- Dự án khu công nghiệp công nghệ cao Gemadept	3.658.444.173	-	-	-	3.658.444.173
- Các dự án khác	1.168.682.655	-	-	-	1.168.682.655
Cộng	37.663.287.775	126.300.326.490	(102.312.788.509)	(20.869.793.873)	40.781.031.883

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	279.448.439.795	28.354.171.622	251.094.268.173
Tăng trong năm	-	11.892.116.185	-
Số cuối năm	279.448.439.795	40.246.287.807	239.202.151.988

Tại thời điểm cuối năm, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	90.605.229.479	111.727.417.634
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	31.926.481.137	34.327.579.765
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	73,80	73,80	36.900.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M Gemadept (Malaysia) Ltd.	100,00	100,00	5.000.000.000
Gemadept (Singapore) Ltd.	100,00	100,00	15.206.200.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	55,00	9,43	6.600.000.000
Công ty TNHH cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	100,00	100,00	80.000.000.000
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	51,00	51,00	72.126.807.812
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	100,00	23,92	23.924.332.310
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa	5,00	5,00	700.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	46,00	46,00	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	99,98	99,98	424.383.000.000
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	100,00	21,52	2.152.000.000
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	100,00	50,00	500.000.000
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	100,00	-	-
Cộng			942.636.944.122

18. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45,00	45,00	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP) MBN-GMD VIETNAM	26,78	26,78	9.642.000.000
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	34,00	34,00	1.534.080.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	29,00	29,00	32.206.940.000
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	40,00	10,94	18.264.608.143
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,00	38,00	23.236.200.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	49,00	49,00	11.882.010.000
Công ty TNHH Huyndai Merchant Marine Việt Nam	49,00	49,00	2.371.845.000



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	23,00	23,00	86.250.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	25,00	25,00	29.375.000.000
Công ty Sinokor Việt Nam	49,00	49,00	2.319.909.000
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link (*)	41,67	41,67	351.750.000.000
Công ty Golden Globe Co., Ltd.	40,00	16,60	39.298.595.636
Cộng			700.718.067.779

(*) Công ty cổ phần Gemadept đã đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept –Terminal với tỷ lệ là 41,67% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý sẽ chuyển nhượng 25 % cổ phần trong công ty này cho một đối tác khác trong năm 2012. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” với tỷ lệ góp vốn là 16,67% và khoản mục “Đầu tư ngắn hạn” với tỷ lệ góp vốn là 25% (xem thuyết minh V.2).

19. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	203.374.669.600	203.374.669.600
Công ty cổ phần thép Thủ Đức	31.490.628.000	31.490.628.000
Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam	165.581.032.000	165.581.032.000
Các công ty khác	6.303.009.600	6.303.009.600
Đầu tư tài chính dài hạn khác	66.011.901.494	321.827.175.285
Công ty TNHH vận chuyển hàng công nghệ cao	12.635.901.494	12.635.901.494
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	-	190.950.000.000
Dự án cao ốc văn phòng Falcon Hà Đông	32.500.000.000	32.500.000.000
Các công ty, dự án khác	20.876.000.000	85.741.273.791
Tiền gửi có kỳ hạn	140.900.000.000	161.600.000.000
Cộng	410.286.571.094	686.801.844.885

(*) Trong đó, khoản tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hoa Việt được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phnom Penh (xem thuyết minh V.24).

20. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	34.175.795.640	36.792.330.200
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	57.608.649.841	21.303.348.530
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	22.035.158.242	11.225.057.453
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	3.753.600.170	5.469.404.773
Cộng	117.573.203.893	74.790.140.956

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	74.790.140.956
Trích lập dự phòng bổ sung	42.783.062.937
Số cuối năm	117.573.203.893

21. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa	8.832.114.060	-	(5.046.922.320)	3.785.191.740
Lãi thuê tài chính	90.636.293	-	(90.636.293)	-
Phần mềm kế toán	-	97.223.000	(48.611.493)	48.611.507
Cộng	8.922.750.353	97.223.000	(5.186.170.106)	3.833.803.247

22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

23. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	833.120.000	757.280.000
Ký quỹ thuê tàu	41.656.000.000	37.864.000.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	289.527.120	270.567.120
Cộng	42.778.647.120	38.891.847.120

24. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	466.251.818.610	63.902.918.144
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(a)	93.064.434.945	18.803.981.842
- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	5.171.348.302
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	188.478.630.148	-
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(c)	44.713.351.517	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Phnom Penh ^(d)	139.995.402.000	39.927.588.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	5.750.000.000	230.000.000.000
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội ^(e)	5.750.000.000	-
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link	-	230.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.34)	40.434.285.714	20.720.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	12.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	8.720.000.000	8.720.000.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	19.714.285.714	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh V.34)	-	5.624.682.054
Cộng	512.436.104.324	320.247.600.198

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa, khai thác cảng và logistic. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 98 Phạm Hùng, phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn;
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 41 Quang Trung, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
- Tàu biển Stellar Pacific.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.

(c) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để hỗ trợ cho các nhu cầu mua nhiên liệu và thanh toán các thư tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các các khoản phải thu và các Tàu Phước Long 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26.

(d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Phnom Penh để đầu tư vào dự án. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hoa Việt.

(e) Khoản vay Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội theo lãi suất 14,5%/năm để bổ sung vốn kinh doanh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngắn hạn hàng	63.902.918.144	751.196.231.774	-	3.041.917.637	(351.889.248.945)	466.251.818.610
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	230.000.000.000	130.004.033.928	-	-	(354.254.033.928)	5.750.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	20.720.000.000	-	40.434.285.714	-	(20.720.000.000)	40.434.285.714
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	5.624.682.054	386.991.550	-	-	(6.011.673.604)	-
Cộng	320.247.600.198	881.587.257.252	40.434.285.714	3.041.917.637	(732.874.956.477)	512.436.104.324

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

25. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	5.370.900.242	3.226.163.847
- Công ty TNHH vận tải hàng hải PO Việt Nam	2.873.246.752	-
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	1.034.466.807	820.062.165
- Công ty TNHH cảng Phước Long	819.512.573	-
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	-	305.346.703
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	216.969.079	1.962.065.359
- Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	60.455.908	33.396.048
- Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam	24.677.699	-
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải	338.119.840	105.293.572
- Các công ty con, liên kết, hợp tác khác	3.451.584	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	138.934.021.086	108.514.068.243
Cộng	144.304.921.328	111.740.232.090

26. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng ứng trước cho hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	2.171.913.947	4.540.635.640
Khách hàng ứng trước để thuê tài sản	19.000.419.416	-
Cộng	21.172.333.363	4.540.635.640

27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Việt Nam:

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	23.676.249.043	(22.968.155.547)	708.093.496
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6.412.199.371	(6.412.199.371)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	164.284.278	(164.284.278)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(7.160.652.399)	-	(2.800.000.000)	(9.960.652.399)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản		3.956.232.868	(674.812.140)	3.281.420.728
Thuế thu nhập cá nhân	373.516.716	5.019.354.331	(5.076.469.015)	316.402.032
Thuế nhà đất	-	244.329.240	(244.329.240)	-
Các loại thuế khác	858.633.961	29.753.266.089	(29.861.051.997)	750.848.053
Cộng	(5.928.501.722)	69.225.915.220	(68.201.301.588)	(4.903.888.090)

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Trong năm, thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của Công ty bị lỗ nên chưa phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Riêng thu nhập của hoạt động chuyển nhượng bất động sản dự tính phải nộp là 3.956.232.868 VND và không được bù trừ vào lỗ của hoạt động kinh doanh.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

b. Thuế và các khoản phải nộp phát sinh tại Chi nhánh Campuchia:

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	780.990.247	(183.896.267)	(597.093.980)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(45.690.867)	692.059.094	(588.637.604)	57.730.623
Cộng	735.299.380	508.162.827	(1.185.731.584)	57.730.623

(*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm khoản điều chỉnh trình bày số dư đầu năm là 45.690.867 VND.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi nhánh Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Nếu số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm nhỏ hơn 01% doanh thu thì phải nộp cho cơ quan thuế nước sở tại theo mức là 01% doanh thu.

28. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả công nhân viên.

29. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	8.606.846.521	7.120.776.825
Chi phí bốc xếp, lưu kho	4.946.206.266	5.012.734.633
Chi phí khác	2.007.970.355	1.947.787.978
Cộng	15.561.023.142	14.081.299.436



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

30. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	750.863.241	1.452.001.676
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.096.110.484	-
Cổ tức phải trả	60.065.246.600	65.246.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.653.410.161	1.665.081.440
Doanh thu chưa thực hiện	2.766.834.580	2.785.397.978
Phải trả cho ngân sách nhà nước tiền bán hàng tồn động tại cảng biển	1.716.241.909	1.716.241.909
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	31.121.216.700	30.744.708.032
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	289.207.472.218	215.336.499.341
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link – tiền mượn	120.853.141.332	160.000.000.000
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền mượn và các khoản thu hộ	34.701.883.766	33.006.800.644
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept - tiền mượn	33.227.370.790	-
- Gemadept (Singapore) Co., Ltd. - tiền thu hộ	69.730.697.870	1.492.952.962
- Công ty TNHH cảng Phước Long - tiền mượn	15.157.572.116	-
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – tiền mượn	10.293.585.975	10.293.585.975
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	5.243.220.369	10.543.159.760
Các khoản phải trả khác	37.081.045.996	20.045.343.234
- Công ty cổ phần đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - tiền đặt cọc theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	27.200.000.000	-
- Ông Nguyễn Quốc Cường – tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	9.264.678.577	9.264.678.577
- Các khoản phải trả khác	616.367.419	10.780.664.657
Cộng	426.458.441.889	273.810.520.210

31. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

32. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	6.675.813.335
Tăng quỹ khen thưởng, phúc lợi do trích lập từ lợi nhuận	5.664.248.049
Tăng quỹ Hội đồng quản trị do trích lập từ lợi nhuận	3.398.548.829
Chi quỹ	(7.110.335.115)
Số cuối năm	8.628.275.098

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

33. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	17.887.072.335	22.941.117.275
Nhận đặt cọc thuê tài sản dài hạn khác	-	25.368.880
Cộng	17.887.072.335	22.966.486.155

34. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	251.562.759.286	84.997.045.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt ^(a)	60.000.000.000	72.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(b)	4.277.045.000	12.997.045.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(c)	187.285.714.286	-
Trái phiếu chuyển đổi	22.000	396.787.000.000
Cộng	251.562.781.286	481.784.045.000

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt để mua tàu Bunga Mas Tujuh, thời hạn 10 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để mua tàu biển container Great Pride, thời hạn 4 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để góp vốn vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Genadept - Terminal Link. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	40.434.285.714
Trên 01 năm đến 05 năm	209.991.330.714
Trên 05 năm	41.571.428.571
Tổng nợ	291.997.045.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Chuyển đổi thành cổ phiếu	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	84.997.045.000	207.000.000.000	(40.434.285.714)	-	251.562.759.286
Trái phiếu chuyển đổi	396.787.000.000	-	-	(396.786.978.000)	22.000
Cộng	481.784.045.000	207.000.000.000	(40.434.285.714)	(396.786.978.000)	251.562.781.286

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

35. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm trang 52.

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: 396.786.978.000 VND.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	109.447.309	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	109.447.309	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	109.447.309	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	109.447.309	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	109.447.309	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.472.973.669.413	1.448.925.671.222
- Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	1.382.368.439.934	1.336.136.435.406
- Doanh thu cho thuê văn phòng	90.605.229.479	112.789.235.816
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	(1.061.818.182)
Doanh thu thuần	1.472.973.669.413	1.447.863.853.040

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	1.387.304.295.490	1.282.960.792.683
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	31.926.481.137	34.327.579.765
Cộng	1.419.230.776.627	1.317.288.372.448

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.431.387.084	891.469.710
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	30.415.136.847	20.749.807.301
Lãi tiền ký quỹ	2.728.770.666	19.511.754
Lãi tiền cho vay	4.824.402.411	1.062.500.000
Lãi công trái, trái phiếu	-	710.000
Lãi đầu tư chứng khoán	11.811.124.474	16.547.543.450
Cổ tức, lợi nhuận được chia	159.853.016.680	143.621.957.349
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.210.893.310	1.622.626.575
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	57.689.597.358	38.912.979.788
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.248.619.160	134.624.557
Cộng	282.212.947.990	223.563.730.484

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	72.547.005.620	66.490.266.342
Chi phí lãi thuê tài chính	90.636.290	326.290.641
Chi phí mua chứng khoán kỳ hạn	4.023.866.667	6.746.218.114
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	43.497.170.827	39.413.035.748
Lỗ góp vốn liên doanh	267.809.868	868.345.288
Lỗ đầu tư chứng khoán	9.413.941.270	14.588.777.229
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	120.227.088.905	84.071.951.477
Chi phí tài chính khác	65.624.637	41.058.264
Cộng	250.133.144.084	212.545.943.103

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.220.486.400	-
Chi phí khác	3.425.019.788	868.388.435
Cộng	4.645.506.188	868.388.435

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	34.696.472.404	38.506.593.132
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	294.287.647	213.685.484
Chi phí đồ dùng văn phòng	388.347.007	282.547.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.494.919.921	8.908.768.825
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.421.263.909	19.407.438.055
Chi phí khác	8.742.972.986	5.300.053.791
Cộng	75.038.263.875	72.619.086.433

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, XDCB dở dang	50.040.326.171	48.715.904.268
Các khoản thu nhập khác	5.567.398.336	5.345.278.035
Cộng	55.607.724.507	54.061.182.303

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định, XDCB dở dang thanh lý, nhượng bán	31.850.927.522	6.160.775.500
Các khoản chi phí khác	1.874.310.088	989.763.580
Cộng	33.725.237.610	7.150.539.080

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 về “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	522.208.396.123	404.504.486.978
Chi phí nhân công	96.697.982.921	93.274.027.270
Chi phí khấu hao tài sản cố định	95.385.284.618	91.888.142.495
Chi phí dịch vụ mua ngoài	752.501.596.132	783.079.180.539
Chi phí khác	32.121.286.896	18.030.010.035
Cộng	1.498.914.546.690	1.390.775.847.317

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Góp vốn vào Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng bằng tài sản	-	1.886.854.850
Góp vốn vào Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept bằng công nợ phải trả	-	1.273.160.900
Chuyển nợ phải thu Công ty cổ phần Đại Dương thành vốn góp vào Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	-	3.800.000.000
Tăng đầu tư Công ty cổ phần cảng Nam Hải bằng phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	396.787.000.000
Nhận cổ tức, lợi nhuận được chia bằng căn trừ vào khoản góp vốn đầu tư Công ty cổ phần vận tải du lịch Trường Thọ	-	6.200.000.000
Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	396.786.978.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia chưa thu	90.805.100.312	9.260.618.700
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	26.733.065.975	6.234.829.842
Chi phí lãi vay chưa thanh toán	8.606.846.521	7.120.776.825
Bán tài sản cố định chưa thu tiền	35.545.000.000	40.005.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.5 đến VIII.9 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.850.279.000	2.215.860.488
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	114.720.000	547.980.512
Phụ cấp	671.142.857	603.529.416
Cộng	3.636.141.857	3.367.370.416

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	Cổ đông đại diện vốn Nhà nước
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Công ty con
Gemadept (Malaysia) Ltd.	Công ty con
Gemadept (Singapore) Ltd.	Công ty con
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Công ty con
Công ty TNHH cảng Phước Long	Công ty con
Công ty TNHH ISS Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	Công ty con
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa	Công ty con
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hóa Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty OOCL Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	Công ty liên kết
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Công ty liên kết
Công ty Sinokor Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	Công ty liên kết
Công ty Golden Globe Co., Ltd.	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Cho mượn tiền	6.900.000.000	21.200.000.000
Chi phí dịch vụ	1.739.854.007	-
Doanh thu dịch vụ	928.232.753	-
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M		
Cho mượn tiền	13.000.000.000	15.446.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.		
Chi phí dịch vụ đại lý	3.737.583.465	137.870.272.924
Nhờ thu	91.779.122.942	46.574.570.595
Gemadept (Singapore) Ltd.		
Các khoản chi hộ phải thu	17.776.463.973	314.052.933.940
Chi phí dịch vụ	106.480.892.858	235.148.514.184
Mua tài sản cố định	61.637.346.576	-
Các khoản phải trả do đã được chi hộ mua vật tư, phụ tùng	2.686.582.845	9.323.191.035
Mượn tiền	26.917.127.330	-
Lợi nhuận được chia	36.813.000.000	-
Thu hộ	-	4.099.105.828
Phải trả tiền vay tại chi nhánh Campuchia	-	1.893.957.280
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội		
Vay ngắn hạn	7.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Chuyển tiền cho mượn	219.806.408.492	107.505.000.000
Cho thuê tài sản, thanh lý TSCĐ	48.600.000.000	44.184.545.455
Nhận trước tiền cho thuê tài sản	20.000.000.000	-
Doanh thu dịch vụ	910.685.110	490.661.636
Chi phí dịch vụ	101.442.784.577	123.278.614.378
Mượn tiền	157.816.855.367	126.200.000.000
Thu hộ phải trả	3.842.494.535	3.340.006.825
Chi hộ	526.459.525	4.832.829.165
Công ty TNHH ISS - Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	21.105.680	4.687.455
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept		
Lãi góp vốn đầu tư	20.000.000.000	40.000.000.000
Góp vốn đầu tư	-	21.451.388.866
Chi hộ	3.027.194.886	1.936.380.961
Mượn tiền	32.300.000.000	-
Cho vay	48.300.000.000	-
Doanh thu dịch vụ	11.980.452.529	-
Chi phí dịch vụ	3.272.505.737	138.485.706
Phí quản lý	-	2.465.000.000
Các khoản thu hộ phải trả	-	4.963.818.144
Các khoản phải trả khác	-	14.000.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept		
Mượn tiền	-	10.293.585.975
Góp vốn đầu tư	-	13.096.746.875
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept		
Góp vốn đầu tư		756.127.401
Cho mượn tiền	2.000.000.000	-
Mượn tiền	39.130.206.128	-
Chuyển nhượng dự án	20.869.793.872	-
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng		
Góp vốn bằng tài sản	-	1.886.854.850
Doanh thu dịch vụ	910.685.110	-
Cho mượn tiền	44.700.000.000	-
Chi hộ	63.794.218.470	213.702.524.884
Chi phí vận chuyển	83.162.088.687	87.727.649.104
Mượn tiền	77.700.000.000	48.500.000.000
Thu hộ phải trả	7.130.969.971	21.166.450.396
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải du lịch Trường Thọ		
Góp vốn	-	12.000.000.000
Cho thuê tài sản	4.800.000.000	-
Phải thu tiền cổ tức	11.278.561.049	9.506.272.000
Cho vay	42.900.000.000	10.500.000.000
Mượn tiền	53.000.000.000	3.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa		
Doanh thu cho thuê văn phòng, tiền điện	-	298.682.775
Chi phí khác	-	14.875.000
Công ty TNHH vận tải hàng hải Thái Bình Dương		
Góp vốn	3.000.000.000	500.000.000
Doanh thu dịch vụ	14.830.303.875	-
Chi phí dịch vụ	35.924.645	-
Chi phí thành lập	-	8.222.000
Thu hộ phải trả	7.229.243.755	574.034.850
Chi hộ	4.761.734.605	-
Mượn tiền	6.000.000.000	-
Công ty OOCL Việt Nam		
Doanh thu thực hiện	4.268.215.895	177.230.409
Chi phí dịch vụ	-	922.884.136
Công ty MBN-GMD Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	1.287.326.840	1.085.271.280
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo		
Chi phí dịch vụ	336.356.106	12.060.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải		
Mượn tiền	-	3.000.000.000
Doanh thu dịch vụ	2.008.247.500	
Chi phí vận chuyển	1.389.071.016	1.070.488.903
Tiền bồi thường tổn thất	-	57.300.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm		
Góp vốn đầu tư	-	915.515.816
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam		
Cho vay ngắn hạn	4.207.200.000	-
Lãi dự thu tiền cho vay	4.861.653	-
Doanh thu dịch vụ	-	134.600.165
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	7.591.130.166	1.810.930.977
Chi phí dịch vụ	28.788.681	1.268.611.125
Thu hộ	-	4.584.656.468
Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn		
Góp vốn đầu tư	-	28.450.000.000
Chi phí dịch vụ	535.219.433	267.500.195
Công ty Sinokor Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	7.323.797.888	41.997.727
Phải trả phí cung cấp dịch vụ	688.971.032	1.739.521.714
Chi hộ		
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link		
Mượn tiền	246.000.000.000	160.000.000.000
Vay ngắn hạn	123.004.033.928	230.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Cho mượn tiền	55.900.000.000	49.000.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M		
Cho mượn tiền	18.946.000.000	18.946.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.		
Phải thu khách hàng	14.529.514.789	23.468.398.265
Gemadept (Singapore) Ltd.		
Phải thu khách hàng	188.367.880.989	92.148.677.000
Lợi nhuận được chia	36.449.000.000	-
Các khoản chi hộ	20.255.821.307	11.855.467.796
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Phải thu khách hàng	-	142.991.550
Ứng trước tiền dịch vụ	62.298.411.025	47.507.364.653
Các khoản cho mượn, chi hộ	112.195.967.663	38.509.465.984
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept		
Phải thu khách hàng	3.552.956.573	531.386.150
Các khoản chi hộ	74.955.000	1.126.454.000
Lợi nhuận được chia	20.000.000.000	-
Cho mượn tiền	16.000.000.000	-
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng		
Phải thu khách hàng	13.289.984.972	16.217.919.208
Các khoản chi hộ	1.156.734.311	7.765.231.397
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept		
Phải thu khác	-	3.807.241.273
Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ		
Ứng trước tiền dịch vụ	20.000.000	-
Phải thu khác	8.986.272.000	13.806.272.000
Lợi nhuận được chia	11.278.561.049	-
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa		
Phải thu khách hàng	2.597.515.915	2.615.478.789
Công ty cổ phần Cảng Nam Hải		
Phải thu khách hàng	2.209.072.250	-
Lợi nhuận được chia	23.077.539.263	-
Phải thu khác	-	57.300.000
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hóa Thái Bình Dương		
Phải thu khách hàng	453.181.055	-
Phải thu khác	164.574.500	-
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín		
Phải thu khác	135.771.373	-
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương		
Chi hộ	2.500.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH thương mại quả Cầu Vàng		
Phải thu khác	300.000.000	-
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam		
Cho vay ngắn hạn	4.207.200.000	-
Phải thu khác	4.861.653	1.300.000.000
Phải thu khách hàng	534.143.500	-
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine		
Phải thu khách hàng	3.378.948.920	4.457.122.664
Công ty OOCL Việt Nam		
Phải thu khách hàng	1.185.976.156	392.583.750
Công ty Sinokor Việt Nam		
Phải thu khách hàng	606.054.581	349.243.905
Cộng nợ phải thu	622.159.398.844	334.004.598.384
Công ty Sinokor Việt Nam		
Phải trả người bán	3.031.584	-
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	1.034.466.807	820.062.165
Gemadept (Malaysia) Ltd.		
Các khoản phải trả khác	929.869.279	-
Gemadept (Singapore) Ltd.		
Các khoản thu hộ tàu, mượn tiền	69.730.697.870	1.492.952.962
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Phải trả phí dịch vụ	819.512.573	-
Phải trả khác	15.157.572.116	-
Nhận ứng trước	19.000.419.416	-
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept		
Phải trả người bán	60.455.908	34.398.048
Phải trả khác	64.050.834	845.284.245
Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội		
Phải trả khác	-	1.000.000.000
Vay ngắn hạn	5.750.000.000	-
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept		
Phải trả khác	10.293.585.975	10.293.585.975
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng		
Phải trả phí dịch vụ	216.969.079	1.962.065.359
Các khoản mượn tiền, thu hộ phải trả	34.701.883.766	33.032.827.827
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept		
Phải trả người bán tiền thi công	-	305.346.703
Mượn tiền	33.227.370.790	-
Công ty cổ phần cảng Nam Hải		
Phải trả phí dịch vụ	338.119.840	105.293.572

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hóa		
Thái Bình Dương		
Mượn tiền	1.000.000.000	-
Phải trả dịch vụ	420.000	-
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept		
Terminal Link		
Mượn tiền	120.853.141.332	160.000.000.000
Vay ngắn hạn	-	230.000.000.000
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine		
Phải trả người bán	24.677.699	-
Công ty MBN-GMD Việt Nam		
Các khoản phải trả khác	-	1.703.880.000
Cộng nợ phải trả	342.597.377.786	441.595.696.856

Ngoài ra, Công ty liên quan đã thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty cổ phần Gemadept tại Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh V.24 và V.34).

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo loại hình dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực hoạt động logistics: Bao gồm dịch vụ vận tải, cho thuê các phương tiện vận tải, dịch vụ đại lý, logistics.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Cho thuê tòa nhà Lê Thánh Tôn. Công ty cũng đang đầu tư vào tòa nhà phức hợp tại Lào.
- Các bộ phận khác: các lĩnh vực còn lại.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở phụ lục 03 và phụ lục 04 đính kèm từ trang 53 đến trang 55.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	991.354.992.656	830.233.324.354
Nước ngoài	481.618.676.757	617.630.528.686
Cộng	1.472.973.669.413	1.447.863.853.040

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		Tài sản bộ phận	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Trong nước	79.186.960.214	42.226.799.918	2.204.141.717.367	1.846.193.269.303
Nước ngoài	-	-	497.321.778.157	279.125.098.765
Cộng	79.186.960.214	42.226.799.918	2.701.463.495.525	2.125.318.368.068

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	70.857.539.000	82.415.266.469
Trên 01 năm đến 05 năm	100.725.192.000	51.047.292.000
Trên 05 năm	-	-
Cộng	171.582.731.000	133.462.558.469

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	265.372.942.880	261.855.538.610	265.372.942.880	261.855.538.610
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	170.139.045.500	184.915.706.616	170.139.045.500	184.915.706.616
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	810.889.500.947	1.167.376.911.012	811.349.975.347	1.168.558.757.412
Phải thu khách hàng	383.646.123.796	278.885.599.453	383.646.123.796	278.885.599.453
Các khoản cho vay	32.292.283.389	75.000.000.000	32.292.283.389	75.000.000.000
Các khoản phải thu khác	887.306.049.023	471.531.153.064	887.306.049.023	471.531.153.064
Cộng	2.549.645.945.534	2.439.564.908.755	2.550.106.419.934	2.440.746.755.155
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	144.304.921.328	111.740.232.090	144.304.921.328	111.740.232.090
Vay và nợ	763.998.885.610	802.031.645.198	763.998.885.610	802.031.645.198
Phải trả người lao động	9.939.966.152	14.914.367.746	9.939.966.152	14.914.367.746
Chi phí phải trả	14.682.841.324	14.081.299.436	14.682.841.324	14.081.299.436
Các khoản phải trả khác	447.451.922.113	297.209.086.765	444.345.514.224	297.209.086.765
Cộng	1.380.378.536.527	1.239.976.631.234	1.377.272.128.638	1.239.976.631.234

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác được trình bày ở các thuyết minh V.1, V.2, V.12, V.14.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản thế chấp nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

7. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty liên kết, hợp tác vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	512.436.126.325	209.991.330.714	41.571.428.571	763.998.885.610
Vay và nợ	144.304.921.328	-	-	144.304.921.328
Phải trả người lao động	9.939.966.152	-	-	9.939.966.152
Chi phí phải trả	14.682.841.324	-	-	14.682.841.324
Các khoản phải trả khác	447.451.922.113	-	-	447.451.922.113
Cộng	1.128.815.777.242	209.991.330.714	41.571.428.571	1.380.378.536.527
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	111.740.232.090	-	-	111.740.232.090
Vay và nợ	320.247.600.198	457.784.045.000	24.000.000.000	802.031.645.198
Phải trả người lao động	14.914.367.746	-	-	14.914.367.746
Chi phí phải trả	14.081.299.436	-	-	14.081.299.436
Các khoản phải trả khác	296.777.006.365	432.080.400	-	297.209.086.765
Cộng	757.760.505.834	458.216.125.400	24.000.000.000	1.239.976.631.234

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá như sau:

	Thay đổi tỷ giá (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay		
	+ 2%	(289.771.476)
	- 2%	289.771.476
Năm trước		
	+ 2%	2.877.758.599
	- 2%	(2.877.758.599)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

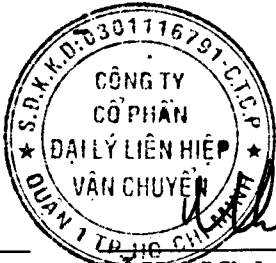
Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu thương mại của Công ty là 108.335.858.300 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 196.936.801.100 VND). Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 5% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng 4.062.594.686 VND (năm trước là 7.385.130.041 VND).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	76.358.214.834	106.792.649.915	912.177.760.199	12.137.118.013	1.107.465.742.961
Tăng trong năm	4.060.726.132	23.958.208.666	73.579.164.684	1.090.101.202	102.688.200.684
Mua sắm mới	4.060.726.132	67.440.000	73.496.597.676	1.075.131.242	78.699.915.050
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	23.890.768.666	-	-	23.890.768.666
Tăng khác	-	-	82.567.008	14.949.960	97.516.968
Giảm trong năm	(14.227.430.816)	(552.186.000)	(4.250.986.003)	(1.659.360.311)	(20.689.963.130)
Thanh lý, nhượng bán	(14.227.430.816)	(552.186.000)	(4.145.986.003)	(1.659.360.311)	(20.584.963.130)
Giảm khác	-	-	(105.000.000)	-	(105.000.000)
Số cuối năm	66.191.510.150	130.198.672.581	981.505.938.880	11.567.858.904	1.189.483.980.515
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.405.155.674	54.214.250.947	135.529.972.672	7.817.846.767	198.967.226.060
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	31.992.806.047	78.067.415.571	330.951.051.099	9.600.376.688	450.611.649.405
Tăng trong năm	2.048.794.341	28.703.491.671	65.886.235.373	1.794.060.293	98.432.581.678
Khấu hao trong năm	2.048.794.341	8.114.844.092	65.865.287.891	1.779.110.333	77.808.036.657
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	20.588.647.579	-	-	20.588.647.579
Tăng khác	-	-	20.947.482	14.949.960	35.897.442
Giảm trong năm	(3.660.018.599)	(552.186.000)	(4.224.346.003)	(1.285.653.309)	(9.722.203.911)
Thanh lý, nhượng bán	(3.660.018.599)	(552.186.000)	(4.105.971.572)	(1.285.653.309)	(9.603.829.480)
Giảm khác	-	-	(118.374.431)	-	(118.374.431)
Số cuối năm	30.381.581.789	106.218.721.242	392.612.940.269	10.108.783.672	539.322.027.172
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	44.365.408.787	28.725.234.344	581.226.709.100	2.536.741.325	656.854.093.556
Số cuối năm	35.809.928.361	23.979.951.339	588.892.998.411	1.459.075.232	650.141.983.343
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 430.912.944.170 VND và 302.932.300.957 VND đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt và Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.24 và V.34).

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

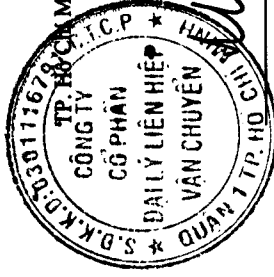
Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC ĐÀNG QUỠN CHIẾN BIỆN QUẢNG CHÁI							Đơn vị tính: VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	475.000.000.000	1.366.907.462.400	69.388.382.902	13.410.665.221	10.296.600.315	151.364.805.484	2.086.367.916.322
Phát hành cổ phiếu	525.000.000.000	802.253.124.000	-	-	-	-	1.327.253.124.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	113.284.960.977	113.284.960.977
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	10.354.491.642	10.354.491.641	(37.276.169.910)	(16.567.186.627)
Số dư cuối năm trước	1.000.000.000.000	2.169.160.586.400	69.388.382.902	23.765.156.863	20.651.091.956	227.373.596.551	3.510.338.814.672
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000.000	2.169.160.586.400	69.388.382.902	23.765.156.863	20.651.091.956	227.373.596.551	3.510.338.814.672
Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	94.473.090.000	302.313.888.000	-	-	-	-	396.786.978.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	24.260.711.645	24.260.711.645
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(60.000.000.000)	(60.000.000.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	5.664.248.049	5.664.248.049	(20.391.292.976)	(9.062.796.878)
Số dư cuối năm nay	1.094.473.090.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	29.429.404.912	26.315.340.005	171.243.015.221	3.862.323.707.440

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Lĩnh vực hoạt động logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.382.368.439.934	90.605.229.479	-	-	1.472.973.669.413
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.382.368.439.934	90.605.229.479	-	-	1.472.973.669.413
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(10.985.066.616)	57.590.044.091	-	-	46.604.977.475
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(72.545.854.752)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(25.940.877.277)
Doanh thu hoạt động tài chính					282.212.947.990
Chi phí tài chính					(250.133.144.084)
Thu nhập khác					55.607.724.507
Chi phí khác					(33.725.237.610)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(4.307.985.195)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					547.283.314
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					24.260.711.645
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	67.803.655.408	125.630.910	11.257.673.896	-	79.186.960.214
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	75.160.957.434	12.003.450.795	12.896.148.997	-	100.060.557.226
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CAO TÀI CHÍNH

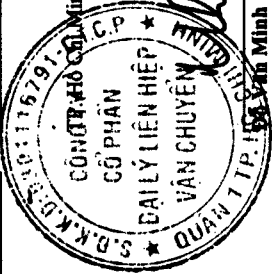
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.336.136.435.406	111.727.417.634	-	-	1.447.863.853.040
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.336.136.435.406	111.727.417.634	-	-	1.447.863.853.040
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	53.175.642.723	77.399.837.869	-	-	130.575.480.592
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(73.487.474.869)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					57.088.005.723
Doanh thu hoạt động tài chính					223.563.730.484
Chi phí tài chính					(212.545.943.103)
Chi phí khác					54.061.182.303
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(7.150.539.080)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(2.705.175.579)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					973.700.229
					113.284.960.977
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	39.415.588.468	527.107.272	2.284.104.178	-	42.226.799.918
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	75.123.903.850	19.105.549.541	6.223.710.346	-	100.453.163.737
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

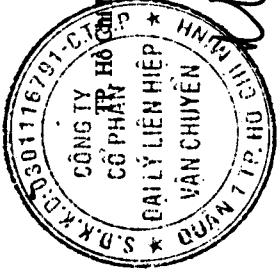
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 04: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực hoạt động logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.682.394.913.962	279.520.216.400	150.044.935.775	-	2.111.960.066.137
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					3.166.535.463.041
Tổng tài sản					5.278.495.529.178
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	398.926.142.331	550.351.864	35.838.427.234	-	435.314.921.429
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					980.856.900.309
Tổng nợ phải trả					1.416.171.821.738
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.100.921.736.717	290.209.464.302	66.516.673.796	-	1.457.647.874.815
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					3.309.089.121.163
Tổng tài sản					4.766.736.995.978
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	151.805.854.563	26.436.145.176	19.431.831.004	-	197.673.830.743
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					1.058.724.350.562
Tổng nợ phải trả					1.256.398.181.305

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012



Nguyễn Minh Nguyệt

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Trương Như Nguyễn

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc